

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa**

**Tập 71**

**Chủ giảng: Tịnh Không pháp sư**

**Chuyển ngữ: Tử Hà**

**Biên tập: Bình Minh**

**Giảng ngày: 06 tháng 07 năm 2010**

**Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang sáu mươi một, hàng thứ tư.

**7. Bộ Loại Sai Biệt**

Đoạn cuối của mục thứ sáu nói về phân giáo. Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ, đưa ra lời dạy của chư vị tổ sư để dẫn chứng. Ý nghĩa này vô cùng thâm sâu. Khi chưa giác ngộ, chúng ta thấy có tướng sai biệt trong bình đẳng. Ai thấy như vậy? Hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, đều không ngoại lệ. Sau khi giác ngộ, trong tướng sai biệt sẽ thấy được tướng bình đẳng. Hai câu này trong kinh đức Phật có nói. Trong kinh Kim Cang nói rằng: “thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ”. Thị pháp là tất cả pháp. Tất cả pháp thật sự là bình đẳng. Là thể bình đẳng, thể tự tánh thanh tịnh viên minh, hiện ra. Tướng cũng bình đẳng, dụng cũng bình đẳng. Thấy được tướng bình đẳng trong muôn ngàn sai biệt. Giống như những điều Bồ Tát Di Lặc nói, ngài nói về tất cả hiện tượng. Một khảy móng tay có ba mươi hai ức bá thiên niệm, niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức.

Từ đây cho thấy, nếu quý vị nhìn mỗi niệm, nó sinh ra hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, hầu như là sinh diệt đồng thời, hầu như đều là sanh diệt đồng thời. Nói cách khác, giống như kinh Kim Cang nói: “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, cho nên thể-tướng-dụng đều bất khả đắc, bất khả đắc ở đây là bình đẳng.

Suốt 49 năm đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp, trong đó có 22 năm đức Phật nói về Bát Nhã, 22 năm. Bát Nhã là gì? Là trí huệ chân thật vốn sẵn có trong tự tánh. Nói thiệt, đó là vĩnh hằng, bất sanh bất diệt mới là chân thật. Có hiện tượng sanh diệt thì không phải là chân thật. Trí huệ bát nhã và đức tướng trong tự tánh, bát nhã chính là trí huệ. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy, tất cả chúng sanh đều có đầy đủ, không ngoại lệ, hữu tình chúng sanh có đầy đủ, vô tình chúng sanh cũng có đầy đủ. Hoa có cây cối, sơn hà đại địa, hiện tượng của đại tự nhiên, không có gì là chẳng đầy đủ. Đây là chư pháp thật tướng, nghĩa là chân tướng của các pháp. Đức Phật đã nói điều này một cách rõ ràng.

Chư vị tổ sư phân giáo, bộ Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh này, trong tứ giáo tạng-thông-biệt-viên của tông Thiên Thai, chư vị tổ sư phân nó thuộc viên giáo. Trong ngũ giáo tiêu-thỉ-chung-đốn-viên của tông Hiền Thủ, cũng phân là viên giáo. Chẳng những là viên giáo mà còn là đốn giáo. Vì sao là đốn giáo? Bởi một đời thành tựu, không cần chờ đến kiếp thứ hai, trong một đời có thể chứng được cứu cánh viên mãn. Đây là pháp môn không thể nghĩ bàn.

Chúng ta xem đoạn thứ bảy- bộ loại sai biệt. Đầu tiên giới thiệu sơ lược qua, vì sao có đoạn này. Lý do chính là vì thâm cứu bản kinh. Nếu muốn nỗ lực nghiên cứu, để hiểu rõ về bộ kinh này, thì cần nên biết, đồng bộ, đồng loại kinh luận.

Tất cả kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, những bộ kinh nào đồng bộ với kinh này, những bộ kinh nào đồng loại với kinh này. Và những điển tịch đời thuyết về tịnh độ, để tiện cho việc tham cứu.

Trong đại thừa giáo thường gọi là tham cứu. Nghiên nghĩa là nghiên cứu, trên thực tế ha chữ này có thể thông dụng, nói tham cứu cũng được, nói tham nghiên cũng được, cùng một ý nghĩa thôi.

Người đời, nếu thâm nhập nghiên cứu một học thuật, một môn học, thông thường đều là nghiên cứu. Dùng phương pháp nào để nghiên cứu? Dĩ nhiên phải dụng tâm rồi. Tâm ở đây là tâm ý thức, thông thường gọi tâm này là phân biệt chấp trước. Phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy, gọi là tâm thức. Trong giáo pháp đại thừa nói tâm thức không phải là chân tâm, nhưng công năng của nó rất lớn, dùng tâm thức. Tâm sở của thức thứ sáu, trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói, có 51 tâm sở, thức thứ sáu đều tương ưng hết. Hầu như không có pháp nào chẳng nằm trong phạm vi nghiên cứu của nó. Nó có năng lực hiểu rõ ràng minh bạch.

Chúng ta thấy các nhà khoa học, triết học trên thế giới hiện nay, phạm vi và kết quả nghiên cứu của họ, có thành tích tương đối khả quan. Nhưng nghiên cứu thì không thể duyên đến tự tánh. Bản thể mà triết học nói, không thể duyên đến, cho nên rốt cuộc bản thể là gì, đến nay vẫn là một vấn đề lớn.

Phật pháp có cách nghiên cứu đến bản thể, vì sao? Vì Phật Pháp dùng chân tâm chứ không dùng vọng tâm. Chân tâm gọi là tham, tham nghiên. Tham cứu và nghiên cứu khác biệt nhau chỗ nào? Vừa rồi nói, nghiên cứu không rời tâm ý thức. A lại da là tâm, mặt na là ý, thức thứ sáu là thức, họ đã dùng tâm-ý-thức này. Tham cứu thì không dùng tâm ý thức. Phương pháp hoàn toàn không giống nhau. Không dùng thức thứ sáu nghĩa là không phân biệt, không dùng tâm phân biệt. Không dùng thức thứ bảy nghĩa là không dùng tâm chấp trước. Không dùng A lại da nghĩa là không khởi tâm không động niệm. Quý vị nghĩ thử xem, không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước. Tất cả đều buông bỏ hết, khi đó chân tâm hiện tiền, đạo Phật nói chân như bản tánh hiện

tiền. Nếu dùng tâm ý thức thì tự tánh sẽ không hiện tiền. Đạo Phật gọi là ẩn hiện, tự tánh ẩn đi, vũ trụ hiện tiền.

Các nhà khoa học thời cận đại nói: năng lượng, vật chất, thông tin, đều hiện tiền. Vũ trụ này vô cùng phức tạp, đến cuối cùng quy nạp lại không ngoài ba thứ này- năng lượng, vật chất, thông tin.

Năng lượng chính là nghiệp tướng của a lại da. Vật chất là cảnh giới tướng của a lại da. Thông tin là chuyển tướng của a lại da, cũng chính là kiến phần của a lại da. Vật chất là tướng phần, đây là hiện tượng tinh thần. Cho nên giữa tham cứu và nghiên cứu khác nhau rất nhiều.

Trong Phật pháp, chư vị tổ sư thường nhắc nhở mọi người: “liạ tâm ý thức mà tham”, gọi là tham cứu. Nhất định không được dùng tâm ý thức. Từ đó cho thấy, từ xưa tới nay, trên thế giới này, có rất nhiều nhà khoa học và triết học, họ có liạ tâm ý thức chăng? Không, tất cả dùng tâm ý thức. Phát hiện được những bí mật trong vũ trụ. Khoa học ngày nay đang phát triển theo hai phương diện, họ đều phát hiện những bí mật trong vũ trụ. Thế giới hồng quan, nói về vũ trụ là lớn vô hạn. Phương diện ngược lại, họ nghiên cứu về thế giới vi quan, vũ trụ vi quan là lượng tử lực học. Nghiên cứu về cái nhỏ nhất như nguyên tử, điện tử, lap tử. Lượng tử lực học ngày nay còn nói quang tử, đại khái là vật nhỏ nhất.

Những hiện tượng này từ đâu mà có? Chúng ta cũng chẳng thể không tán phục các nhà khoa học, những điều họ nói hoàn toàn giống trong kinh Phật. Là hiện tượng dao động. Dao động là năng lượng. Sự dao động cực kỳ yếu ớt nhưng rất nhanh, trong Phật pháp gọi là một niệm bất giác. Bất giác là động, giác tâm bất động. Điều này quý vị cần nên biết. Giác là bất động, động là bất giác. Một niệm bất giác, thì a lại da xuất hiện.

Đạo Giáo nói: “đạo sanh nhất, nhất sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật”. Đạo Phật nói nhất niệm bất giác mà có vô minh. Nhất niệm bất giác là nhất. Nhất biến thành nhị, nhị chính là âm dương. Âm dương biến thành tứ tượng. Tứ tượng sanh bát quái. Bát quái sanh vạn vật. Đạo giáo nói như vậy. Đạo Phật nói nhất niệm bất giác, từ tự tánh biến ra một thứ gọi là a lại da. Tam tế tướng của a lại da nghĩa là vũ trụ xuất hiện.

Quý vị quan sát kỹ từ những điều này, bình đẳng sai biệt, sai biệt bình đẳng, là một chẳng phải hai. Cho nên phải thâm nhập một bộ kinh lớn, thật sự thâm nhập rồi, sẽ thấy rằng trong tất cả kinh đều cùng một nguyên lý. Lâu thông một bộ kinh sẽ lâu thông được tất cả kinh, phải là người thật sự khai ngộ mới làm được như vậy. Nếu chưa thật sự khai ngộ sẽ thấy có khác biệt. Sự khác biệt này, nghiên cứu càng thâm nhập thì sự khác biệt càng nhỏ. Đến cuối cùng, đến đỉnh điểm cuối cùng là một. Giống như đi đến điểm giữa của hình tròn vậy, chỉ có một điểm giữa, chưa đến điểm giữa thấy còn khác biệt, càng

tiếp cận điểm giữa của hình tròn thì sự khác biệt càng nhỏ. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng sự thật này rồi, thì tánh đức viên mãn của quý vị sẽ hiển lộ.

Trục tâm của tánh đức, từ trước đến nay chư vị cổ đức, đều nói cho chúng ta biết rằng, trục tâm đó chính là tình thương. Trong Ngũ Luân nói phụ tử hữu thân, thân ở đây chính là tình thương. Đó là trục tâm của tánh đức, tất cả chúng sanh đều có, con người có, động vật có, thực vật có, khoáng vật có, sơn hà đại địa cũng có. Quý vị dùng chân tâm yêu thương nó, nó sẽ dùng chân tâm đáp lại quý vị. Điều này không tồi! Nhưng nếu con người có tâm tự tư, thì tình thương sẽ không còn nữa. Tình thương bình đẳng, tình thương chân thành, tình thương thanh tịnh sẽ không còn nữa. Vì sao? Bởi mê lầm. Ý niệm mê đầu tiên, là chấp trước có ta. Mê từ đâu? Mê từ chỗ có ta, cho rằng ngã là thật có, ngã chính là ta, đó là sai lầm. Đức Phật dạy chúng ta có chân ngã, nhưng chân ngã không phải thân này, chân ngã cũng không phải là vọng tưởng. Chân ngã là gì? Chân ngã là chân tâm, chân tâm là chân ngã.

Chân tâm là gì? Trong Phật pháp gọi chân tâm là pháp tánh, đôi khi chúng ta gọi là tự tánh, đó là thật. Nó là bản thể của muôn sự muôn vật, vạn vật đều do nó biến hiện ra, nó năng sanh năng hiện. A lại da năng biến. A lại da là vọng tâm, vọng tâm thì năng biến. Còn chân tâm năng hiện năng sanh. Vậy chân ngã là gì? Chân ngã là pháp thân.

Đạo Phật nói, đức Phật có ba thân. Thứ nhất là pháp thân, pháp thân là chân ngã. Báo thân và ứng hóa thân không phải chân ngã, chân ngã là pháp thân.

Thiền tông có câu: bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh. Đó là chân ngã. Đạo Phật có nói đến chân ngã. Tứ tịnh đức – thường lạc ngã tịnh. Trong tự tánh sẵn có thường lạc ngã tịnh. Ngã ở đây có nghĩa là gì? Có rất nhiều ý nghĩa nhưng chủ yếu có hai: là chủ thể và tự tại. Năng hiện năng sanh là chủ thể. Năng ẩn năng hiện là tự tại. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm với ta là một thể, đây là chân ngã.

Ai thừa nhận? Pháp thân Bồ Tát thừa nhận, vì sao? Bởi họ đã chứng được. Vì sao họ chứng được? Bởi lực căn đối với lực trần khởi tác dụng, các ngài buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, nên các ngài chứng được. Nếu chưa buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, là lực đạo phạm phu, hoàn toàn mê muội.

Trong kinh điển đại thừa đức Phật dạy, buông bỏ chấp trước, nhưng còn khởi tâm động niệm, còn phân biệt, chỉ không chấp trước thôi. Không còn chấp trước tất cả pháp của thế và xuất thế gian, người này gọi là A La Hán, họ đã giác ngộ. Nhưng có sự khác biệt, bởi họ giác ngộ ít, thật sự giác ngộ. Giác ngộ rồi thì không còn lực đạo nữa. Bởi lực đạo là giả, “phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, giống như quý vị nằm mộng, trong mộng có lực đạo, khi tỉnh dậy không thấy có lực đạo nữa. Tuy không có lực đạo, nhưng quý vị thấy được gì? Thấy được pháp giới tứ thánh- Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cảnh giới này hiện tiền. Như thế nghĩa là vẫn chưa thật sự tỉnh dậy, vẫn còn trong

mộng. Nói cách khác, lục đạo là mộng trong mộng. Tỉnh dậy, pháp giới tứ thánh hiện tiền.

Sao có pháp giới tứ thánh? Vẫn còn mê. Từ sự khởi tâm động niệm phân biệt mà có. Khởi tâm động niệm là vô minh. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là vọng tưởng. Nếu buông bỏ được điều này, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, thì tứ thánh cũng không còn. Tỉnh ngộ từ pháp giới tứ thánh. Khi tỉnh ngộ rồi đó là pháp giới gì? Là nhất chân pháp giới. Đây là chân chứ không phải giả.

Định nghĩa chân giả trong đạo Phật, có biến hóa thì chẳng phải là chân, không còn thấy biến hóa nữa, ví dụ thân người, thân người này miên viễn không già, đây là chân, nếu mỗi năm một già đi, đó là giả chẳng phải chân. Lá cây này miên viễn xanh, vĩnh viễn thường xanh, đây là chân. Có thể giới như vậy chăng? Có! Cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Bồ Tát, là như vậy. Con người ở cõi đó vĩnh viễn không già nua, hoa cỏ cây cối nơi đó vĩnh viễn thường xanh, không hề thay đổi. Vì sao? Bởi đó là tự tánh sở sanh sở hiện, không có a lại da. A lại da sẽ biến đổi, nơi đó không có a lại da nên nó bất biến. Thế giới đó thật sự vô lượng thọ chứ không giả đâu. Con người vô lượng thọ, hoa cỏ cây cối vô lượng thọ, sơn hà đại địa cũng vô lượng thọ, vĩnh viễn không bao giờ biến đổi. Cho nên chúng ta gọi nơi đó là nhất chân pháp giới.

Ai chứng được cảnh giới này? Như vừa nói, người buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước chứng được.

Mười pháp giới là thế giới có biến hóa, bởi nó có a lại da. A lại da là năng biến. Thân thể này và môi trường chúng ta sống đều đang thay đổi, thay đổi trong từng sát na. Buông bỏ được vọng tưởng phân biệt chấp trước rồi, sẽ sanh về thế giới tự tánh năng sanh năng hiện, không có sự thay đổi. Thế giới đó rất đẹp. Thế giới đó là gì? Kinh Hoa Nghiêm gọi là Hoa Tạng thế giới. Kinh Vô Lượng Thọ gọi là thế giới cực lạc, nơi đó vĩnh hằng bất biến.

Nhiều tôn giáo trên thế gian này, họ nói đến thiên đường. Hồi giáo gọi là thiên viên, gần giống nhất chân pháp giới mà Phật giáo nói. Vì sao? Họ nói người ở thế giới đó là vĩnh sanh. Vĩnh sanh nghĩa là bất sanh bất diệt, họ biết được điều này. Nhưng có vào được đó hay không, thì phải xem cách tu tập của mỗi người. Trong việc tu tập quan trọng nhất là định công. Phật pháp nói Tam muội phải có định công, cũng có nghĩa là phải có tâm thanh tịnh, có tâm bình đẳng, cuối cùng quan trọng nhất là tâm giác, giác mà không mê. Trên đề kinh này nói Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Thanh tịnh bình đẳng đến một trình độ nhất định nào đó, tự nhiên khai ngộ, sẽ vào được cảnh giới này. Sau đó chúng ta mới biết được, thì ra nhiều tôn giáo cao cấp, mục đích cuối cùng là tương đồng. Chỉ là chúng ta gọi là cõi thật báo trang nghiêm, còn họ gọi là thiên đường, thiên viên, nhưng cùng một nơi, không hề khác biệt. Cho nên việc thâm nhập kinh tạng giúp cho chúng ta, những kinh giáo khác thật sự có thể giúp chúng ta. Đức Phật Thích Ca

Mâu Ni nói đồng bộ, đồng loại. Nếu chúng ta không ngừng đem lời dạy của đức Phật quảng bá rộng rãi, quý vị sẽ biết được, tất cả tôn giáo, tất cả triết học và khoa học, không phải đồng bộ với ta thì cũng là đồng loại. Thật sự thâm nhập rồi mới triệt để hiểu rõ, đối với muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới, Phật pháp nói duy nhất là dùng tâm đại từ đại bi. Tình bi chính là tình thường, tình thương vô điều kiện, dùng tâm như thế đối với muôn sự muôn vật trong vũ trụ, vì sao? Bởi nó cùng một cội rễ.

Lão tử nói: “Trời đất đồng căn với ta, vạn vật đồng thể với ta.” Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, cũng là cảnh giới của kinh Vô Lượng Thọ. Khi Lão tử nói ra hai câu này, thì Phật pháp chưa truyền vào Trung Quốc, nhưng những điều ông nói hoàn toàn tương đồng với kinh Phật. Cái hay của kinh Phật là nói tử mỉ, nói rất ráo.

Thâm cứu cần phải có tham nghiên thì mới có thể thâm nhập được.

Dưới đây trước tiên nói về đồng bộ.

Bổn kinh và tiểu bổn Kinh Di Đà là đồng bộ. Bổn kinh này bản dịch vào đời Ngô. Nước Ngô vào thời Tam Quốc, là Đông Ngô. Thời Đông Ngô có vị cư sĩ tên là Chi Khiêm, bổn này do ông phiên dịch.

*Tăng dị danh A Di Đà kinh.* Ngài phiên dịch kinh Vô Lượng Thọ. Ở Trung Quốc, kinh Vô Lượng Thọ có 12 bản dịch. Ngài dùng kinh Di Đà làm đề kinh này. Trùng tên với tiểu bổn được ngài La Thập dịch vào đời Tần. Đời Diêu Tần, Pháp sư Cưu Ma La Thập phiên dịch tiểu bổn kinh A Di Đà, Ngài Chi Khiêm dịch Kinh Vô Lượng Thọ, cũng mang tên là kinh A Di Đà, tên gọi tương đồng. Cho nên gọi kinh này là đại bổn, kinh A Di Đà dịch vào đời nhà Tần gọi là tiểu bổn.

Sớ Sao nói, Sớ Sao ở đây là Kinh Di Đà Sớ Sao của đại sư Liên Trì. Trong đó nói rằng: “đại tiểu nhị bổn, văn hữu phồn giản, nghĩa vô thắng liệt, phán thuộc đồng bộ.”

Thật sự hai bộ kinh này đều nói về một sự việc. Một bộ nói tử mỉ, kinh Vô Lượng Thọ nói tử mỉ, kinh Di Đà nói lược. Hoàn toàn tương đồng, cùng một bộ.

Tiểu bổn kinh Di Đà hiện nay có ba loại. Kinh A Di Đà hiện nay, đời Diêu Tần tam tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch. Thứ hai là Kinh Xung Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ, đời Đường tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch. Thứ ba là Kinh A Di Đà hội tập bổn hai bản dịch vào đời Diêu và đời Đường, đây là hội tập của cư sĩ Bồ Tát giới Hạ Liên Cư hiện nay. Hạ lão cư sĩ, đã hội tập kinh Vô Lượng Thọ, đồng thời cũng hội tập luôn kinh A Di Đà. Hai bổn này ông đều hội tập hết. Đây là nói về đồng bộ

Dưới đây giới thiệu sơ lược. *Tần Đường lưỡng dịch, đại thể tương đồng.* Đoạn này giới thiệu cho chúng ta kinh Phật Thuyết A Di Đà, là tiểu bổn kinh, do ngài La

Thập phiên dịch. Đồi Đường đại sư Huyền Trang phiên dịch. Hai bản này đều có trong đại tạng kinh.

*Đại thể tương đồng sảo hữu xuất nhập.* Nghĩa là phương pháp dịch không giống nhau.

*Tân dịch tinh yếu lưu sớ, chúng sở tông hướng.* Bản dịch của ngài La Thập, thật sự là tinh tế vấn tắt, văn tự lưu loát, đọc rất dễ chịu, cho nên lưu thông rộng rãi. Người tu theo pháp môn tịnh độ chẳng ai không đọc qua bộ kinh này, đặt nó làm thời công phu tối.

Bản dịch của pháp sư Huyền Trang đời Đường, không có ai đọc, không phải người nghiên cứu kinh giáo thì hầu như chẳng ai đọc bản này. Ngài dịch rất hay. *Đường dịch tác chuẩn xác tượng bị, lực bảo nguyên diện.* Nghĩa là bản lai diện mục của nó- phạm văn.

Ngài La Thập dịch là ý dịch, chứ không phải trực dịch, hoàn toàn nương vào ý nghĩa trong kinh, dùng khẩu ngữ địa phương dịch ra. Cho nên người Trung Quốc đọc họ cảm thấy như đọc văn chương của mình vậy.

Huyền Trang đại sư phiên dịch hoàn toàn là phạm văn, ngài trực dịch từ phạm văn, vẫn duy trì những thứ vốn sẵn có, nhưng chúng ta đọc sẽ thấy không suông, đó là văn pháp nước ngoài, đọc thấy không suông. Ngài dịch rất hay, chính xác, không sai tí nào. Đáng tiếc đó là văn pháp nước ngoài, chúng ta không dễ gì tiếp nhận. Cho nên đại đa số đều đọc bản dịch của ngài La Thập. Nguyên nhân là ở chỗ này.

*Tiên sư hội tập lưỡng dịch, hiệt kỳ tinh yếu.* “Tiên sư”, Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ chú giải. Thầy của ông là cư sĩ Hạ Liên Cư. Hội tập hai bản dịch, nghĩa là của ngài La Thập và ngài Huyền Trang. Dem hai bản dịch này hội thành một bản.

*Hiệt kỳ tinh yếu, cánh cứ lục triều thạch kinh, bổ túc Tân dịch sở dịch chi nhị thập nhất tự.*

“Lục triều”, ở đây nói sơ lược cho chúng ta về niên đại. Niên đại này bắt đầu từ thời Tam Quốc. Đông Ngô thời Tam Quốc, lập kinh đô ở Nam Kinh ngày nay. Sau này là thủ đô của Đông Tấn. Về sau đời Tống Tề Lương Trần, thành đô của bốn đời này đều ở Nam Kinh. Cho nên gọi Nam Kinh là kinh sư của sáu triều đại.

“Lục triều” ở đây, vào khoảng thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 6 công nguyên. Chúng tôi nói công nguyên, khái niệm này sẽ rõ ràng hơn một chút. Hiện nay là công nguyên năm 2010. Chắc công nguyên năm 300 đến năm 600. Hơn 300 năm này ở Trung Quốc là thời Nam Bắc triều. Sáu triều đại của Nam triều, đều xây dựng thành đô ở Nam Kinh, cho nên gọi là lục triều. Ý nghĩa lục triều ở đây là nói về thời đại.

“Thạch kinh”, dưới đây nói rằng: “*án tương dương thạch kinh*”, ở Tương Dương. Kinh ở đây là kinh A Di Đà, được khắc ở trên đá. Chữ này do ai viết? Người Lục triều viết, ai là người viết thì không biết được, họ không lưu tên, nên chẳng biết được, chỉ biết được vào thời đó mà thôi. Khắc trên đá, gọi là “thạch kinh”.

Người dùng tay khắc lên đá đây, nhất tâm bất loạn, nhưng vẫn còn 21 chữ. Kinh hiện nay không có, nhưng kinh A Di Đà khắc trên đá, nhiều hơn 21 chữ. 21 chữ này rất quan trọng, ở đây viết ra cho chúng ta xem.

Có ở chỗ nhất tâm bất loạn. *Chuyên trì danh hiệu, dĩ xưng danh cố, chư tội tiêu diệt. Tức thị đa thiện căn phước đức nhân duyên.* Chính là 21 chữ này. 21 chữ này thật sự vô cùng quan trọng. Trong kinh Di Đà hiện nay không có 21 chữ này. Nhưng trong bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư có, ông đã thêm 21 chữ này vào trong đó.

Nếu chúng ta hỏi rằng: nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu được chăng? Diệt tội được chăng? Cổ đức từng nói, một câu Phật hiệu, niệm Phật một tiếng, có thể diệt được trọng tội sanh tử trong 80 ức kiếp. Tôi nghĩ, hàng đệ tử Phật học theo tông tịnh độ đều có nghe qua câu này. Đây là lời tổ sư dạy, là thật không giả đâu. Chúng ta suy nghĩ thử xem, nó có sức mạnh lớn như vậy sao? Đọc đoạn văn này rồi, trong đây có phương pháp. Vì sao? Một tiếng niệm Phật đó phải niệm như thế nào? Nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu, sẽ có sức mạnh lớn như vậy.

Ngày nay chúng ta niệm Phật rất nhiều vọng tâm, xem tạp vọng niệm thì công lực của chúng ta bị phá hoại mất rồi. Khi niệm Phật nếu niệm thành tâm thành ý, không có một vọng niệm nào, sức mạnh đó giống như trong đoạn này nói vậy- “*chư tội tiêu diệt*”. Vì sao? Trong kinh đức Phật thường dạy, ngài đã nói lên một nguyên lý nguyên tắc: “*tất cả pháp tùng tâm tướng sanh*”. Chúng ta tạo tội là ý niệm bất thiện, ngày nay niệm một danh hiệu Phật là thiện niệm. Hơn nữa câu Phật hiệu này, từ tánh đức viên mãn lưu xuất ra, thì tội gì không diệt được? Ngày xưa chúng ta không hiểu được đạo lý này, ta niệm Phật hiệu sức mạnh đó rất yếu ớt. vì sao? Bởi đối với câu Phật hiệu này chúng ta có nhiều nghi vấn, hoài nghi. Sự hoài nghi này đã phá hoại công đức niệm Phật.

Cho nên Đại Thế Chí Bồ tát dạy ta niệm Phật: “*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*”, có đạo lý của nó. Công đức niệm một tiếng Phật không thể nghĩ bàn. “*Đô nhiếp lục căn*”, mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng, thức thứ sáu ở chỗ lục căn duyên ra ngoài, “*đô nhiếp*” nghĩa là kéo nó trở lại. Kéo cách nào? Mắt thấy sắc không động tâm, không khởi tâm không động niệm. Tai nghe âm thanh không khởi tâm không động niệm. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, đều làm được đến chỗ không khởi tâm không động niệm, đó gọi là *đô nhiếp lục căn*. Người như thế quá giỏi! Đó là bậc thánh nhân chứ không phải hàng phàm phu. Hàng phàm phu làm sao có thể không chế được? Tâm của họ luôn hướng ra ngoài. Ngày nay chúng ta dùng tâm gì? Dùng tâm tán loạn niệm Phật.



Nếu chúng ta nhất tâm niệm Phật, thì quá giỏi rồi. Niệm Phật giống nhau, nhưng dụng tâm không giống, cho nên hiệu quả bất tương đồng. Chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Chúng ta học giáo lý nhiều năm như thế, hiểu điều này, không còn hoài nghi nữa. Công đức của nhất tâm niệm Phật thật sự rất lớn. Cho nên nói “nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, tương ưng mà. Tương ưng với ai? Tương ưng với tự tánh, tương ưng với tánh đức. Tương ưng với tánh đức chính là tương ưng với Phật A Di Đà. Tương ưng cách nào? Đồng tâm, đồng đức, đồng nguyện, đồng hạnh với đức Phật A Di Đà. Làm được đến chỗ bốn điều đồng này, thì ta và đức Phật A Di Đà là một thể. Quý vị nghĩ xem tội gì không diệt được?

Xưng danh ở đây, ngày nay chúng ta gọi là chấp trì danh hiệu. Chúng ta niệm câu nam mô A Di Đà Phật, hoặc niệm A Di Đà Phật. Đứng về hành môn mà nói, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tứ hoằng thệ nguyện nói: “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”. Trong vô lượng vô biên vô tận pháp môn, thì niệm Phật là đức thứ nhất.

Danh hiệu của đức Phật A Di Đà, là đức hiệu của chân như tự tánh, chứ không phải điều gì khác. Niệm Phật A Di Đà là niệm tự tánh của ta.

Danh hiệu này có thể dịch thành tiếng Hán. Không dịch là vì tôn trọng. Dịch ra có nghĩa là gì? A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Vô Lượng Giác. Vô lượng giác là tự tánh, là tánh đức. Ngạn ngữ có câu: “vô sở bất tri vô sở bất năng”, có nghĩa là như vậy, danh hiệu này có nghĩa là như vậy. Tự tánh mới được tôn xưng như vậy- vô sở bất tri vô sở bất năng.

Ngày nào chúng ta cũng niệm, niệm niệm không ngừng, lâu ngày chày tháng thì minh tâm kiến tánh. Quý vị nghĩ xem công đức lợi ích này có lớn không, bất giác kiến tánh. Đến khi nào thì kiến tánh? Chuyên trì danh hiệu nhất tâm bất loạn thì kiến tánh. Ngày nay chúng ta niệm Phật hiệu quả không nhiều, là do chúng ta không nhất tâm, mà là tạp tâm niệm Phật, loạn tâm niệm Phật chứ không phải nhất tâm. Vấn đề là ở chỗ này. Chẳng phải Phật hiệu không linh, mà do chúng ta không biết dụng tâm.

Nghiệp chướng của chúng ta rất nặng. Không cần nói đến quá khứ, nghiệp do đời này tạo, chúng ta dùng phương pháp nào để tiêu trừ? Đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp, không biết tạo bao nhiêu nghiệp tội. Chắc chắn tạo thiện nghiệp ít, tạo ác nghiệp nhiều. Vì sao? Quý vị thấy hiện tượng này, dụng tâm tư duy quan sát sẽ thấy, con người học điều hay khó, học điều xấu rất dễ dàng. Từ đó quý vị có thể nhận ra, vô lượng kiếp, chúng ta tạo thiện nghiệp nhiều hay ác nghiệp nhiều? Chắc chắn là ác nghiệp nhiều.

Trong kinh đức Phật nói cho ta biết một sự thật. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói, A lại da của chúng ta tương ưng với thiện, thiện tâm sở có 11, ác tâm sở có 26. Nhiều hơn quá một nửa, cho nên khởi tâm động niệm, dĩ nhiên sức mạnh của ý niệm

rất lớn, sức mạnh của thiện yếu ớt, không mạnh như ác niệm. Huống nữa là môi trường bên ngoài, cảm dỗ chúng ta.

Học thánh hiền, học Phật Bồ tát, nhân duyên này rất thù thắng. Bởi đây là môi trường rất tốt, có thể dẫn khởi thiện tâm sở của quý vị. Rồi điệt Phật, đi vào xã hội, sự nhiễm ô của xã hội sẽ dẫn khởi ác tâm sở của quý vị. Ác tâm sở có 26. Nên biết rằng thiện tâm sở chỉ có 11. Sức mạnh nào lớn?

Người học Phật ở trong điệt Phật cũng không tòi, đến nghe kinh hai tiếng đồng hồ. Nhưng ra ngoài 2-3 phút, thì hiệu quả của hai tiếng đồng hồ sẽ không còn nữa. Cho nên những sự và lý này, chúng ta cần nên hiểu rõ ràng minh bạch. Sau đó mới thật sự tin tưởng không nghi ngờ nữa. Thật sự tin tưởng công đức niệm Phật thù thắng không gì sánh bằng.

Người xưa có câu: “đọc kinh không bằng đọc chú, đọc chú không bằng niệm Phật”. Có lý đấy! Vì sao đọc kinh không bằng đọc chú? Bởi kinh dài, chú ngắn, chú ngắn nên dễ nhiếp tâm. Đọc chú không bằng niệm Phật, bởi chú vẫn dài. Một câu Phật hiệu chỉ có bốn chữ, không có gì ngắn hơn nữa. Càng ngắn càng dễ nhiếp tâm.

Đức Phật dạy chúng ta tịnh niệm tương kế, đặc biệt là lâm mạng chung mười niệm ắt vãng sanh. Một ý niệm tiếp một ý niệm, cứ như thế 10 niệm. Thời gian 10 niệm rất ngắn, thời gian khoảng 1 phút là đủ rồi. A Di Đà Phật A Di Đà Phật, một phút là đủ rồi. Trong đó thật sự không có một tạp niệm. Từ phương diện này, quý vị dụng tâm quan sát, lãnh hội. Quý vị sẽ biết được sự thù thắng của pháp môn niệm Phật. Vì sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni đặc biệt giới thiệu cho chúng ta, trong đời nhiều lần ngài tuyên giảng bộ kinh này. Ngài thật sự từ bi đến tột cùng. Khiến cho chúng ta chur tội tiêu diệt, thành tựu đa thiện căn phước đức nhân duyên. Đây là điều kiện tối quan trọng để vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc.

*Tóng đại Nguyên Chiêu sư tải nhập Linh Chi Sớ.* Pháp sư Nguyên Chiêu có chú giải kinh A Di Đà, có trong đại tạng kinh, tên là Linh Chi Sớ. Trong cuốn sớ đó có 21 chữ này.

*Minh triều Cừ Am pháp sư diệc thôi sùng thạch bốn.* Chính là thạch kinh, đều chỉ về 21 chữ này.

*U Khê đại sư u Viên Trung Sao.* Đây là một trong ba bản chú giải quan trọng về kinh Di Đà. Chur vị cổ đức chú giải kinh Di Đà. Một là Sớ Sao của đại sư Liên Trì. Hai là Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. Thứ ba là Viên Trung Sao của đại sư U Khê. Học kinh Di Đà chẳng thể không đọc những tác phẩm này- ba bộ cổ chú.

Trong Viên Trung Sao nói: “*Kim truyền ngoa thuyết, phàm độc tập giả, ung y cổ bốn, nhi tăng chánh chi.*” Ngài kiến nghị như thế, nghĩa là nói ngày nay chúng ta học

tập, bốn kinh Di Đà của ngài Cưu Ma La Thập, trong đó thiếu 21 chữ, cần nên thêm 21 chữ này vào. Có nghĩa là như vậy.

*Hội bốn y tiên đức ý bổ nhập thứ nhị thập nhất tự.* Hội bốn này của cư sĩ Hạ Liên Cư, hội tập bốn kinh A Di Đà, thêm vào đó 21 chữ này.

*Ư thị hội bốn ký bị lưỡng dịch chi trường, phục bổ Tần dịch chi dật thánh ý bị hiển, dị khái chánh giải.*

Mấy câu này là Niệm lão tán thán thầy mình. Hội bốn của thầy mình, vẫn giữ nguyên những ưu điểm của hai bản dịch. Còn thêm vào đó 21 chữ trong thạch kinh của lục triều.

“Thánh ý bị hiển”, thánh ý ở đây chỉ cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Thánh là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này, là viên mãn, đều hiển thị ra. Khiến cho hàng hậu học chúng ta, dễ dàng đạt được sự lý giải chính xác.

*Ư thị Tần dịch nguyên văn.* Đây là điều Niệm lão nhắc nhở chúng ta. Nguyên văn của kinh Di Đà hiện nay, phải là “nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu”. Ông đặc biệt chú giải, tám chữ này phải đọc một hơi, “nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu”.

*Chánh đồng ư Đường dịch chi hệ niệm bất loạn.* “Hệ niệm bất loạn”, ngài La Thập dịch là “nhất tâm bất loạn. Ngài Huyền Trang dịch là “hệ niệm bất loạn”. Hai câu này có sự khác biệt rất lớn. Không dễ đạt được nhất tâm bất loạn. Cho nên nhiều người mới học, đọc trong kinh Di Đà câu này, liền nghĩ rằng mình làm không được. Niềm tin không còn nữa.

Nếu thấy được bản dịch của ngài Huyền Trang, là nguyên bản tiếng Phạn. Nguyên bản tiếng Phạn không phải là “nhất tâm” mà là “hệ niệm”. Hệ niệm bất loạn, chúng ta suy nghĩ nếu nỗ lực một chút thì còn có thể làm được. Thật sự giúp cho hàng sơ học xây dựng được niềm tin.

*Diệc phục dĩ bốn kinh chi nhất hướng chuyên niệm đồng chí.* Trong kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật không nói là “nhất tâm bất loạn”, mà nói “nhất hướng chuyên niệm”. Ý nghĩa của “nhất hướng chuyên niệm”, gần giống “hệ niệm bất loạn”. Một phương hướng, chuyên niệm Phật A Di Đà. Nhất định phải có niềm tin, không được thường xuyên thay đổi, thường thay đổi sẽ bị mất hết công phu.

*Di hiển trì danh diệu pháp, tòng quả khởi tu, quả giác nhân tâm. Tha lực minh gia bất khả tư nghi.*

Mấy câu này hay quá. Phương pháp chấp trì danh hiệu vi diệu quá, từ quả khởi tu. Quả là gì? Là xưng tánh, quả là tự tánh. A Di Đà Phật là danh hiệu của tánh đức, cho nên không phải từ nhân, mà dùng quả làm nhân. Trực tiếp từ chân tâm bản tánh. Quốc sư Hiền Thủ nói: “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”. Danh hiệu Phật A Di Đà là “tự tánh thanh tịnh viên minh thể.”

“Quả giác nhân tâm”, lấy quả giác làm nhân tâm để chúng ta tu tập. Nhân quả là một thể, chứ không phải là hai. Không giống với những phương pháp tu tập khác, những phương pháp khác là tu nhân chứng quả, ở đây nhân quả là một. Thật sự thù thắng không gì sánh bằng.

Đạt được “tha lực minh gia”. Thực tế mà nói tha lực ở đây chính là tánh đức.

Mấy năm gần đây, một số học trò của tịnh tông làm kỳ siêu bạt độ, chúng tôi đề xướng tam thời hệ niệm, do thiền sư Trung Phong viết vào thời đại triều Nguyên. Pháp sự hệ niệm này, trong bài khai thị của thiền sư Trung Phong đã nói rất rõ ràng: “ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm. Thử phương tức tịnh độ, tịnh độ tức thử phương.” Hai câu này nương vào những điều đức Phật nói trong kinh: “Duy tâm tịnh độ, tự tánh Di Đà.” Nhân quả đồng thời, nhân quả không hai. Pháp môn thù thắng như vậy tìm ở đâu? Tìm không ra!

Cho nên niệm danh hiệu Phật này, chẳng những đức được Phật A Di Đà gia hộ, mà tất cả chư Phật Như Lai cũng gia hộ cho quý vị.

Việc gia hộ này, giới khoa học ngày nay đã chứng minh cho chúng ta thấy. Khoa học lượng tử thời cận đại phát hiện ra. Họ phát hiện ý niệm của chúng ta, gọi là tâm thái, ý niệm. Bất luận là thiện niệm hay ác niệm, bất luận là vô tình hay cố ý, ý niệm vừa động là chu biến pháp giới. Sự dao động của nó lập tức biến khắp vũ trụ. Giống như làn điện lưới vậy, thông được hết. Các nhà khoa học đã chứng minh. Cho nên chúng ta khởi tâm động niệm, phải hết sức cẩn thận. Hy vọng rằng tất cả đều là thiện niệm, không nên có ác niệm.

Đừng tưởng rằng chúng ta khởi ý niệm không ai biết. Như thế là sai lầm! Ta vừa khởi ý niệm, biến pháp giới hư không giới đều biết hết. Chỉ có một số chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, tuy tiếp xúc đến, tiếp xúc đến nhưng họ không cảm nhận được, chẳng phải không tiếp xúc đến. Nhưng những người tâm địa thanh tịnh, họ hoàn toàn hiểu rõ. Có thể nói rằng, từ bậc A La Hán trở lên, chẳng ai là không biết. Hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa cũng đều biết hết.

Giống như quốc sư Hiền Thủ nói ba loại chu biến, trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Thứ nhất là chu biến pháp giới. Ý niệm đó, khởi lên ý niệm là chu biến pháp giới. Xuất sanh vô tận, hàm dung không hữu.

Khoa học lượng tử ngày nay đã phát hiện được ba loại chu biến này. Họ nói đó là sự thật chứ không phải giả.

Chúng ta với pháp giới hư không, với chư Phật Như Lai, với bất động không gian duy thứ. Thông tin chúng ta phát đi, vì sao không phát thông tin thiện? Thân này khởi tâm động niệm, là đài phóng xạ, đồng thời cũng tiếp nhận. Chẳng những có thể phóng đi, mà còn có thể tiếp nhận thông tin của biến pháp giới hư không giới. Chúng ta có năng lực tiếp nhận. Bởi tiếp nhận nhiều, nên đã làm phá hoại từ trường của chính mình, làm loạn hết.

Phương pháp giữ gìn từ trường của chính mình, đó chính là chánh niệm. Niệm Phật A Di Đà thù thắng hơn bất cứ điều gì khác. Nếu công phu niệm Phật A Di Đà đặc lực, từ trường bất thiện trong mười phương thế giới, chúng ta sẽ không bị ảnh hưởng. Từ trường thiện chúng ta đều có thể tiếp nhận. Từ trường bất thiện ta không bị ảnh hưởng. Đây chính là công phu của chư Phật Bồ Tát. Lý luận tu tập của đạo Phật, có thể dùng khoa học thời cận đại để chứng minh. Không hề giả tí nào.

Ở đây nói về oai thần gia hộ của chư Phật Bồ tát- tha lực minh gia. Việc này khoa học ngày nay đã chứng minh rồi, nó không phải giả đâu. Thế giới hiện nay, người ta thường nói quả địa cầu bị bệnh, bị bệnh rất nặng, sợ nó sụp đổ mất. Nhiều người đưa ra câu hỏi làm thế nào để cứu quả địa cầu? Làm thế nào phục hồi lại nếp sống xã hội? Đây là vấn đề lớn chứ không phải vấn đề nhỏ đâu.

Ở phương tây nhiều tôn giáo dùng phương pháp cầu nguyện. Cầu nguyện- ý thức tập thể, có thể sinh ra một sức mạnh rất lớn. Sự việc này cũng được các nhà khoa học khẳng định, họ chứng minh cho chúng ta thấy đây là sự thật chứ không phải giả.

Chúng ta thấy tôn giáo lớn nhất trên thế giới, thứ nhất là đạo cơ đốc, đạo cơ đốc bao gồm cả đạo thiên chúa. Tín đồ của họ trên thế giới, có khoảng gần 20 ức người, đông như thế đó. Tôn giáo lớn thứ hai là Hồi giáo, tín đồ của họ có khoảng 15 ức người. Phật giáo trên toàn thế giới, có khoảng hơn 6 ức người, chưa đến 7 ức, xếp vào hàng thứ ba. Tín đồ của những tôn giáo này. Hồi giáo mỗi ngày cầu nguyện 5 lần.

Đầu tháng sáu, tôi đến tham vấn Phạm Đệ Cương, giáo chủ của đạo thiên chúa. Họ phát động tín đồ trên toàn thế giới, hàng ngày cầu nguyện vì thế giới hòa bình. Việc này tốt đấy!

Trong đạo Phật chúng ta, tụng kinh bái sám, làm pháp hội, bao gồm cả tam thời hệ niệm của chúng ta. Điều thuộc về hình thức cầu nguyện. Có hiệu quả chăng? có hiệu quả! Tâm địa càng chân thành thì hiệu quả càng lớn. Thật sự có thể hóa giải thiên tai. Thiên tai lớn hóa thành thiên tai nhỏ, thiên tai nhỏ hóa thành không còn thiên tai.

Cho nên những nhà dự ngôn trên thế giới nói, quả địa cầu của chúng ta sẽ có đại thiên tai. Điều này có chính xác chẳng? Chúng tôi có thể nói rằng họ nói rất chính xác. Tương lai có xảy ra như những điều họ nói chẳng? Không nhất định! Vì sao không nhất định? Bởi tất cả pháp từng tâm tưởng sanh. Nếu tâm chúng ta hiện nay, chỉ nghĩ về điều thiện, không nghĩ về điều ác, thì dự ngôn của họ sẽ không còn linh nghiệm nữa. Chẳng phải dự ngôn không linh nghiệm, mà chúng ta thay đổi nó. Phải hiểu đạo lý này.

Vận mệnh của một con người cũng như vậy, có thể thay đổi được vận mệnh. Thế mệnh cũng có thể thay đổi được. Gia vận của quý vị cũng có thể thay đổi được. Chẳng có điều gì là không thay đổi được. Thay đổi từ đâu? Thay đổi từ tâm hành. Hiểu được đạo lý này rồi, sẽ thấy không khó thay đổi. Đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện là thay đổi rồi đó. Việc xấu sẽ biến thành việc tốt. Nếu không có nhiều người thiện tâm, thật sự cầu sám hối, thật sự đoạn ác tu thiện, thì kết quả sẽ giống như những nhà dự ngôn nói.

Nhưng chúng ta bình tâm quan sát, người có thiện tâm trên thế gian này không ít. Rất nhiều người biết được sự việc này nghiêm trọng. Mọi người đều thành tâm cầu sám hối. Việc tốt! Chúng tôi nhìn thấy vô cùng hoan hỷ.

Tôi qua lại với họ rất mật thiết. Chúng tôi cũng đề cập đến nền văn hóa truyền thống xưa, và những điều Phật pháp đại thừa nói. Cầu nguyện là việc làm rất tốt, đáng được tán thán, nhưng nó là trị ngọn chứ không phải trị gốc. Vì sao? Nếu như ba tháng, nửa năm ngừng không cầu nguyện nữa, phiền phức lại xuất hiện ngay. Bởi nó không trị gốc, chỉ trị ngọn thôi.

Trị gốc là gì? Trị gốc là giáo dục. Lão tổ tông của chúng ta dạy, đây hoàn toàn là trị gốc - “kiến quốc quan dân, giáo học vi tiên.” Quý vị thấy dạy một con người. Ngày nay thì sao? Ngày nay không dạy nữa.

Ngày xưa đứa trẻ vừa chào đời, cha mẹ có trách nhiệm phải dạy nó. Đây là giáo dục.

Người xưa có câu: “dạy con từ thừa còn thơ, dạy vợ từ thừa bơ vợ mới về”. Quý vị cưới vợ về, bước vào cửa là phải dạy cô ấy rồi, mới về mà. Dạy con cái phải dạy khi còn nhỏ, vừa chào đời là dạy rồi. Quý vị không được xem thường. Đứa trẻ chào đời, mở mắt ra nó đã thấy, lỗ tai biết nghe, nó bắt đầu bắt chước theo đấy. Cho nên cha mẹ, người lớn ở trước mặt đứa trẻ, nhất cử nhất động đều phải có quy củ, để đứa trẻ học được những điều hay. 1000 ngày từ khi chào đời cho đến năm 3 tuổi, gọi là cội rễ giáo dục, quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Ngạn ngữ có câu: “tam tuế khán bát thập”, có lý đấy! 1000 ngày này, những điều thấy, những điều nghe, những điều tiếp xúc được đều là thiện. Những điều nó học được, đến năm 80 tuổi cũng không thay đổi. Cội rễ vững chắc.

Người thời nay không hiểu đạo lý này nên đã bỏ qua. Không dạy cho đứa trẻ, cho nên trẻ con bây giờ rất khó dạy. Quý vị xem 1000 ngày này là thời khắc quan trọng nhất. Bây giờ ai dạy nó? Ti vi dạy nó. Ngày nào cũng xem ti vi, trên ti vi diễn gì? Bao lực sắc tình, sát đạo dâm vọng. Nó học được hết. Quý vị phải làm sao đây? Đó chẳng phải là thiên tánh, mà là tập tánh. Người lớn đã bỏ qua.

Chúng ta học tập nền giáo dục của thánh hiền, tốt hơn được một chút, hàng ngày đọc sách thánh hiền. Tuy lúc nhỏ bị bỏ qua, bây giờ từ từ bù đắp lại. Vẫn còn có thể quay đầu.

Chúng ta nghĩ đến, những người không có duyên tiếp nhận sự dạy dỗ của thánh hiền. Họ trở nên tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm tôn người lợi mình. Những tư tưởng và hành vi sai lầm này, tuyệt đối không được trách họ, họ không có lỗi. Nhân tố này vô cùng phức tạp. Nếu chúng ta trách họ, đó là hành vi vô đạo đức. Trong đạo Phật nói, chư Phật Bồ tát thương xót họ, chứ không trách họ đâu, các ngài chỉ sanh lòng thương xót. Vì sao? Bởi họ tạo nghiệp này, tương lai họ sẽ phải chịu quả báo. Nghiệp nhân quả báo không ai trốn khỏi.

Muốn giúp người khác phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ bản thân mình. Trước mình phải làm tốt, thì mới có thể ảnh hưởng đến người khác. Bản thân mình không làm tốt, mà đi khuyên người khác, thì người khác sẽ không tin.

Xã hội ngày nay, việc tốt nhiều trở ngại, người tốt khó làm. Làm người tốt thật sự nơi nào cũng bị trở ngại. Làm việc xấu có người giúp, có người đồng tình, làm việc tốt rất nhiều chướng ngại. Nhưng nhiều chướng ngại cũng phải làm. Tín tâm kiên cố. Sống một ngày làm một ngày. Làm vì ai? Vì để nâng cao cảnh giới của chính mình. Như thế là đúng! Đời này làm người, đời sau không bị đọa lạc xuống dưới mà hướng thượng vươn lên, như thế là đúng.

Thân tâm thanh tịnh, thân cận chư Phật Bồ tát. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, phải thực hành những lời dạy của chư Phật bồ tát và thánh hiền. Thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong cách đối nhân xử thế tiếp vật. Thì “tha lực mình gia” sẽ gia hộ cho quý vị. Điều này không thể nghĩ bàn.

*Yếu Giải vân: Nhược chấp trì danh hiệu, vị đoạn kiến tư, tùy kỳ hoặc tán hoặc định, u đồng cư độ phân tam bối cửu phẩm.*

Đây là lời dạy của ngài Ngẫu Ích. Chúng ta niệm Phật, chấp trì danh hiệu niệm Phật. Chưa đoạn phiền não kiến tư hoặc. Khi niệm Phật hoặc tán niệm, hoặc là định niệm. Định là công phu sáng tối, công phu cố định. Tán là bình thường, có thời gian là niệm Phật, đây gọi là tán niệm. Nhưng chưa đoạn phiền não kiến tư hoặc. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi phiền não kiến tư hoặc là chấp trước. Trong cuộc sống sinh hoạt, chúng

ta đối với người, với việc, với vật, vẫn còn chấp trước. Chưa buông bỏ chấp trước. Công phu niệm Phật như thế, vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc, ở cõi phàm thánh đồng cư. Tùy theo công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn, và chấp trước buông được nhiều hay ít, mà phân thành tam bối cửu phẩm.

Chúng ta hiểu được đạo lý này, nghiêm chỉnh thực hành, nâng cao chính mình, cái này là mang theo được. Quý vị nên biết, danh văn lợi dưỡng của thế gian không mang theo được. Giàu có bao nhiêu, khi chết cũng chẳng mang theo được đồng nào, địa vị cao cũng không mang theo được, người thân của mình cũng không mang theo được. Người xưa có câu: “mọi thứ mang không được, chỉ có nghiệp theo mình”. Công phu niệm Phật của chúng ta có thể mang theo được, nó giúp cho chúng ta nâng cao phẩm vị ở thế giới cực lạc. Cái mang theo được chúng ta làm nhiều một chút, nghiêm chỉnh làm, những thứ không mang theo được thì đừng làm.

Mấy hôm nay tôi đi tham vấn Ni Tây Á ở Ấn độ, tham dự luận đàm thế giới tôn giáo hòa bình. Tôi báo cáo với mọi người, và cùng khuyên mọi người nhất định phải làm thật sự.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm bậc mô phạm cho chúng ta. Ở Indonesia, tôi có gặp một số vị xuất gia của đạo Phật. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp. Điều này quý vị phải nên biết.

Khi đức Phật còn tại thế ngày nào ngài cũng giảng kinh thuyết pháp, nhưng không có sách. Điều này quý vị đều biết mà. Kinh điển từ đâu mà có? Sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni niết bàn, học trò của ngài tập hợp lại, trong ký ức của mỗi người, nhớ lại và viết ra những điều đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế giảng dạy, lưu lại, gọi đó là kinh điển. Một đời đức Phật dạy chúng ta những gì? Kinh điển ngày nay chính là lời dạy của ngài. Cho nên không phải bảo quý vị đọc kinh, mà dạy quý vị sống như thế nào, làm người như thế nào, làm việc như thế nào Ngài dạy quý vị những điều này, chứ không bảo quý vị nghiên cứu nó, chẳng có gì để nghiên cứu cả.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, ngài xuất thân từ bậc vương tử, nếu không xuất gia ngài sẽ làm quốc vương. Ngài xả bỏ vương vị, theo công việc giảng dạy. Khi đức Thế Tôn còn tại thế chức vụ của ngài là thầy giáo, suốt đời dạy học. Năm 30 tuổi khai ngộ, ngài bắt đầu dạy học. Năm 79 tuổi ngài niết bàn, dạy học suốt 49 năm. Thời đó không ghi chép lại, đức Phật không soạn bài giảng, cũng không ghi chép, học trò cũng không ghi chép.

Tôn giả A Nan kiết tập kinh tạng. Tôn giả A Nan là vị thị giả của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hàng ngày theo hầu bên đức Phật. Cho nên tất cả kinh điển đức Phật giảng ngài đều được nghe. Ngài có trí nhớ rất tốt, nghe qua một lần là không bao giờ quên. Cho nên kiết tập kinh tạng để lưu truyền cho đời sau, tôn giả A Nan đã phụ trách việc



này. Ngài giảng lại, mọi người cùng nghe, nghe rồi không ai phản đối gì nên ghi chép lại, có một người phản đối thì câu đó được bỏ đi. Làm niềm tin cho đời sau.

Kinh điển ngày nay chúng ta thấy, là những lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu khi còn tại thế, ngài dạy cho mọi người, đó chính là tài liệu giảng dạy. Chúng ta nương vào kinh điển học tập là đúng, nương vào kinh điển tu tập, thì sẽ không khác gì khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế!

Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni không xây dựng một đạo tràng nào. Ngài nhập niết bàn ở trong rừng, chứ không phải ở trong nhà. Vì sao? Ngài muốn xây dựng đạo tràng cũng chẳng khó khăn, dòng họ ngài là đế vương. Xây dựng đạo tràng chẳng phải là việc dễ dàng sao? Trong khoảng thời gian ngài dạy học, Ấn độ bấy giờ có 16 đại quốc vương, họ đều là học trò của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học vô cùng hoạt bát, ngài không hề cố chấp. Cho nên một số quốc vương đại thần, họ có biệt thự, có hoa viên. Họ mời đức Phật dẫn theo đệ tử ngài, những người này phát tâm cúng dường, đức Phật tiếp nhận.

Như bộ kinh này được giảng ở rừng Kỳ Đà vườn Cấp Cô Độc. Là do thái tử Kỳ Đà và trưởng giả Tu Đạt Đa, đây là vị đại phú trưởng giả. Hai vị đó cúng dường khu vườn này, đức Phật đã tiếp nhận. Tiếp nhận ở đây như lời người thời nay nói, đức Phật tiếp nhận quyền sử dụng, chứ không tiếp nhận quyền sở hữu. Quý vị nói con có khu vườn này cúng dường cho Phật, Phật sẽ không nhận đâu. Đức Phật có thể ở đó mấy năm, ở đó dạy học mấy năm, sau đó ngài ra đi, vật trả lại chủ, trả lại cho quý vị. Vì sao? Bởi không tranh chấp. Chỉ cần có tài sản sẽ khiến cho con người khởi ác niệm. Họ muốn chiếm lấy, muốn khống chế số tài sản này. Đó là tạo nghiệp tội. Sao đức Phật có thể khiến cho người khác tạo nghiệp được? Cho nên một đời đức Phật không cần tài sản, ngài không có gì hết. Ngài ở đâu? ở dưới gốc cây. Ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây. Ngài đã sống một đời như thế. Không tranh với người, không tranh với đời. Tự tại biết bao!

Ngài làm bậc mô phạm cho chúng ta, là điển hình viên mãn nhất, là tấm gương hay nhất. Phải như thế chúng ta mới thật sự học được, cái hay của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nếu như có tài sản, sẽ không học được gì, sẽ học sai lệch, chắc chắn tạo nghiệp.

Phật giáo truyền vào Trung Quốc, đạo tràng ở Trung Quốc do ai xây dựng? Đầu tiên là do đế vương xây dựng, tài sản này thuộc về quốc gia, chứ không thuộc về tư nhân. Sau này đại phú trưởng giả hộ trì Phật pháp, họ xây dựng tự viện am đường, gọi là thập phương đạo tràng, chứ không phải của riêng ai. Họ cúng dường cho người xuất gia, có nơi tu học để thành tựu đạo nghiệp, gọi là thập phương tông lâm.

Người xuất gia không có cửa riêng. Ngày nay bị biến chất rồi. Người xuất gia thời nay, xuất ra khỏi nhà mình, nhập vào căn nhà khác, căn nhà này còn lớn hơn nhà của mình nữa. Trong môi trường như vậy, làm sao tu tâm thanh tịnh? Làm sao tu tâm bình đẳng?

Tôi từ La Mã trở về, thấy được một hiện tượng, đây cũng là sự thật, chân tướng sự thật trước mắt. Trên thế giới, người tín ngưỡng tôn giáo càng ngày càng ít. Người không tín ngưỡng tôn giáo ngày càng đông. Tôi suy nghĩ, nếu cứ tiếp tục như thế, 30 năm sau, trên thế gian này còn tôn giáo hay không? Người trẻ không tin, người trẻ họ tin khoa học, họ nói tôn giáo là mê tín. Có đúng là như vậy chăng? Đúng là như vậy, tôn giáo đúng là mê tín. Chẳng phải bản thân tôn giáo mê tín, mà hiện nay những người chịu trách nhiệm về tôn giáo mê tín, chứ bản thân tôn giáo không mê tín. Nếu nó mê tín thì làm sao có thể truyền đến ngày nay?

Quý vị xem kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng. Năm xưa ngày nào ngài cũng giảng, chẳng lẽ là mê tín sao? Người mê tín có thể nói được đạo lý hay như vậy sao? Điều này đã cho tôi sự nhắc nhở rất lớn. Nếu tôn giáo không trở về với việc giáo dục, thì khoảng 30 năm nữa tôn giáo sẽ không còn.

Tôi đến Indonesia tham dự hội nghị lần này, chủ yếu tôi nói về một vấn đề, “giáo dục tôn giáo cứu quả địa cầu”. Tôi đã nói về chuyên đề này. Hy vọng tôn giáo có thể giống như những người khai sáng ra nó. Những người đó nếu dùng cách nói ngày nay thì phải gọi họ là nhà giáo dục xã hội.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học suốt 49 năm. Mô-ha-mét dạy học 27 năm. Chúa Giê-su dạy học 3 năm, bị người ta hại chết. Quý vị nghĩ xem, ai trong số họ là người không dạy học? Kinh điển đều do những vị này giảng dạy khi đó. Cho nên người ngưỡng mộ nhiều, người theo đuổi nhiều, người theo học với họ cũng nhiều. Đòi đòi kiếp kiếp truyền đến ngày nay.

Ngày nay chúng ta cầm cuốn kinh biết đọc, chứ không biết giảng. Không hiểu ý nghĩa của kinh, đó chính là mê tín. Không đem đạo lý trong kinh, biến thành tư duy chính xác của chính mình - chánh tri chánh kiến. Không lấy những lời dạy trong kinh, để sửa đổi hành vi sai lầm của chúng ta. Việc này không liên quan gì đến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Chúa Giê-su, cũng không liên quan đến kinh điển được lưu truyền lại. Chính bản thân chúng ta đã làm sai. Do bản thân tông giáo đồ chúng ta, nhất là những người làm công việc truyền giáo, chúng ta đã làm sai.

Nhất là danh văn lợi dưỡng thời nay, điều này thật đáng sợ! Trong tôn giáo tranh danh trục lợi. Những hành vi này không khác gì người thế gian. Người thế gian nói, chỉ có hơn chứ không có kém. Tôn giáo như thế còn có thể tồn tại được chăng?

Cho nên lần này tôi đặc biệt nhắc nhở mọi người, trở về với việc giáo dục, mỗi tôn giáo đều là nhà giáo dục xã hội. Giáo dục tôn giáo dạy điều gì? Dạy luân lý, đạo đức, nhân quả. Đúng lúc giáo dục xã hội hiện nay thiếu những điều này. Giáo dục tôn giáo bù đắp lại, thì xã hội này có thể phục hồi trở lại an định, thế giới phục hồi hòa bình. Đó là tôn giáo cống hiến cho xã hội. Ngoài việc này ra, tôn giáo đối với xã hội, đối với nhân loại có lợi ích gì?

Hàng ngày bảo mọi người cầu nguyện, việc cầu nguyện người thường không biết, họ cho rằng đó là hành vi mê tín. Cũng may khoa học ngày nay đã chứng minh, việc cầu nguyện thật sự có lợi ích, họ đã chứng minh cho ta thấy. Nhưng đại đa số con người vẫn chưa tin. Nhất định phải dạy học, phải phục hồi nền giáo dục, giáo dục tôn giáo. Những năm gần đây chúng tôi làm việc giáo dục tôn giáo.

Tôi xuất gia rất may mắn được Chương Gia đại sư hướng dẫn, học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Suốt đời tôi đi theo con đường này, học tập theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm. năm 30 tuổi ngài bắt đầu giảng dạy. Còn tôi 33 tuổi xuất gia, vừa xuất gia là đi dạy ở Phật học viện, bắt đầu giảng kinh. Giảng đến nay là 52 năm rồi. Học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không có đạo tràng, hai bàn tay trắng.

Đạo tràng nhỏ này, do một số cư sĩ ở Hongkong, phát tâm xây dựng, do hội quản trị quản lý. Khi chúng tôi ở Hongkong thì mượn nơi này làm chỗ giảng kinh. Tôi ở Bào Mã Địa, do lão cư sĩ Trần, cũng là người ở đây phát tâm. Đạo tràng 11 tầng này do ông ấy mua và cúng dường, tôi ở phòng của ông ấy. Ông ấy cho tôi mượn, tôi có quyền sử dụng, ông ấy có quyền sở hữu. Tôi không ở nữa thì trả lại cho ông ấy, rất tự tại.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có trí huệ, chúng ta học với ngài cũng là hưởng phước rồi. Tôi ở phòng của ông ấy, ông đưa cho tôi chiếc chìa khóa, tất cả mọi chi phí đều do ông quản lý, tôi không phải lo. Tôi cũng không biết mỗi tháng chi tiêu hết bao nhiêu tiền điện nước, tôi không biết gì hết, tốt! Đi ra khóa cửa, khi về mở cửa, quý vị nghĩ xem tự tại biết bao!

Nếu ông ấy tặng cho tôi căn nhà này tôi có nhận không? Không! Vì sao? Mệt lắm! Có nhà rồi có cần chi tiêu chăng? Phiền phước biết bao! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tối ngủ dưới gốc cây. Sáng suốt cực kỳ!

Cho nên nhất định không được lụy vào thế duyên, như thế là sai lầm. Phải nhảy ra khỏi hầm lửa này. Bản thân mình phải nhảy ra khỏi, không bị nó làm phiền. Tâm chúng ta an định ở kinh giáo. Hàng ngày học tập, hàng ngày chia sẻ cùng các bạn học. Điều này năm xưa thầy Phương Đông Mỹ có nói với tôi, là sự hưởng thụ tối cao của con người.

Chúng ta đọc tiếp mấy câu dưới.

*Khả kiến chúng sanh đản năng tín nguyện trì danh, quyết khả vãng sanh bỉ quốc phàm thánh đồng cư độ, thật bất đãi trì chí sự nhất tâm bất loạn, hoặc lý nhất tâm bất loạn.*

Mấy câu này rất quan trọng. Sự nhất tâm bất loạn, nghĩa là đoạn được kiến tư phiền não. Lý nhất tâm bất loạn là đoạn được vô minh phiền não. Không dễ dàng đâu. Chỉ cần chúng ta đạt đến cõi phàm thánh đồng cư. Những điều chúng ta làm ngày nay chắc chắn có thể đạt được, tín nguyện trì danh. Chúng ta thật tin, thật sự phát nguyện cầu sanh về thế giới cực lạc, chắc chắn được vãng sanh.

*Trì danh pháp môn diệu dụng, hòa bàn thác xuất, tức chứng hội bốn thật đại hữu công u thánh giáo dã.*

Thánh giáo là lời chỉ dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Hội bốn có hai hội bốn. cư sĩ Hạ Liên Cư đã cống hiến cho chúng ta rất lớn. Tiểu bốn hội bốn và hội bốn đại bốn kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta nương vào hai bốn này để học tập, tu hành. Tu hành nghĩa là sửa đổi quan niệm sai lầm của chúng ta, sửa đổi ngôn ngữ hành vi sai lầm của chúng ta, thì đời này chắc chắn chúng ta được vãng sanh.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 71